

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-PT
Ngày 11-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;
Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 445/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 450/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 587/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (N2); địa chỉ: số B - B, phố B, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị Thanh H: Ông Lê Viết P – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm Q, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 109/2023/UQ-CTHĐQT ngày 13/7/2023).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Viết P:

1. Bà Phạm Thị Thanh T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: số E, Đại lộ B, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trương Văn Đ – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: số A, N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà **T** và ông **Đ** là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 402/2023/UQ-NCB ngày 14/12/2023), bà **T** có mặt, ông **Đ** vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Đỗ Dũng M**, sinh năm 1960; địa chỉ: **số C, đường H, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1994; địa chỉ: **đội I, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**; địa chỉ liên lạc: **thửa đất số D, đường T, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2023), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Dương Thúy N**, sinh năm 1970; địa chỉ: **ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh**, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông **Đỗ Dũng M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** trình bày:

Ông **Đỗ Dũng M** ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** (viết tắt: **N2**) các hợp đồng cho vay, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 192/21/HĐCV-9371 ngày 28/9/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/192/21/HĐCV-9371 ngày 30/9/2021: số tiền vay: 1.950.000.000 đồng (*bằng chữ: một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng*); thời hạn vay: 168 tháng; lãi suất: 12,5%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 30/12/2021. Lãi suất kỳ tiếp theo: lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay (LSV) bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 4,2%/năm. Kỳ hạn trả lãi vay: 01 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với cả nợ gốc, nợ lãi chậm trả tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (bao gồm cả nợ gốc, lãi trong trường hợp phải trả nợ trước hạn). Lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

- Hợp đồng cho vay số 213/21/HĐCV-9371 ngày 27/10/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/213/21/HĐCV-9371 ngày 28/10/2021: số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*bằng chữ: một tỷ đồng*); thời hạn vay: 108 tháng; lãi suất: 13%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 28/01/2022. Lãi suất kỳ tiếp theo: lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay (LSV) bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 4,6%/năm. Kỳ hạn trả lãi vay: 01 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với cả nợ gốc, nợ lãi chậm trả tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (bao gồm cả nợ gốc, lãi trong trường hợp phải trả nợ trước hạn). Lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông **Đỗ Dũng M** đã ký kết với **N2** các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 171/21/HĐTC-9371 ngày 28/9/2021 được công chứng tại **Phòng C** tỉnh Tây Ninh, đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh D, Tây Ninh**; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 189/21/HĐTC-9371 ngày 27/10/2021 được công chứng tại **Phòng C** tỉnh Tây Ninh, đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh D, Tây Ninh**; văn bản thỏa

thuận ngày 27/10/2021 và Giấy cam kết ngày 27/10/2021, cụ thể: quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền trên thửa đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 628355, số vào sổ CS04028 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/01/2020, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 23/9/2021.

Quá trình thanh toán nợ: quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Dũng M đã thanh toán cho N2 số tiền 238.281.353 đồng (trong đó nợ gốc là 95.036.023 đồng, lãi trong hạn 142.669.756 đồng, lãi quá hạn 52.661 đồng, lãi chậm trả lãi 522.913 đồng). Từ ngày 25/3/2023 cho đến nay, ông Đỗ Dũng M không thanh toán nợ cho N2. Như vậy, ông Đỗ Dũng M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Đỗ Dũng M không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 21/8/2023, ông Đỗ Dũng M nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 02 hợp đồng cho vay nêu trên với tổng số tiền là 3.534.213.087 đồng (bằng chữ: ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Đỗ Dũng M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền nợ tính đến 21/8/2023 của các Hợp đồng cho vay số 192/21/HĐCV-9371 ngày 28/9/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/192/21/HĐCV-9371 ngày 30/9/2021; Hợp đồng cho vay số 189/21/HĐTC-9371 ngày 27/10/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/213/21/HĐCV-9371 ngày 28/10/2021 là 3.534.213.087 đồng (bằng chữ: ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm tám mươi bảy đồng) và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi ông Đỗ Dũng M trả dứt nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông Đỗ Dũng M không thanh toán nợ hoặc không thanh toán đủ nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là: quyền sử dụng đất và tài sản công trình gắn liền trên đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 171/21/HĐTC-9371 ngày 28/9/2021; Thỏa thuận về tài sản trên đất ngày 27/10/2021 và Giấy cam kết của ông Đỗ Dũng M ngày 27/10/2021, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 628355, số vào sổ CS04028 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/01/2020, đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 23/9/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì ông Đỗ Dũng M có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Tại buổi hòa giải ngày 06/9/2023, nguyên đơn yêu cầu ông M có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ của hai hợp đồng tín dụng là 3.545.074.357 đồng; trong đó gồm có: dư nợ gốc là 2.854.963.977 đồng, lãi trong hạn là 583.599.638 đồng, lãi quá hạn là 64.037.446 đồng, lãi chậm trả lãi là 42.473.296 đồng. Người đại diện hợp pháp

của bị đơn xin thời hạn thanh toán nợ trong thời hạn 05 tháng tính từ ngày hòa giải thì nguyên đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông **M** có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/9/2023 là 3.574.434.046 đồng; trong đó gồm có: dư nợ gốc là 2.854.963.977 đồng, lãi trong hạn là 608.590.510 đồng, lãi quá hạn là 66.647.469 đồng, lãi chậm trả lãi là 44.232.089 đồng.

Về án phí: nguyên đơn yêu cầu bị đơn nộp toàn bộ. Về chi phí tố tụng khác: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 2.500.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu toàn bộ. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông **Đỗ Dũng M** và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông **M** là ông **Lê Văn L** thống nhất trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** (viết tắt là **N2**) và ông **M** có ký kết hai hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản.

Kể từ khi ký kết hợp đồng tín dụng và nhận tiền vay, ông **M** đã trả gốc, lãi đến kỳ hạn tháng 3/2022. Từ tháng 3/2022 đến nay, ông **M** không thanh toán, ngân hàng đã làm việc nhiều lần nhưng ông **M** không thanh toán khoản nợ gốc, lãi cho ngân hàng như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng do làm ăn gặp khó khăn.

Nay **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** yêu cầu ông **Đỗ Dũng M** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** tổng số tiền nợ tính đến 21/8/2023 của các Hợp đồng cho vay số 192/21/HĐCV-9371 ngày 28/9/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/192/21/HĐCV-9371 ngày 30/9/2021; Hợp đồng cho vay số 189/21/HĐTC-9371 ngày 27/10/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/213/21/HĐCV-9371 ngày 28/10/2021 là 3.534.213.087 đồng (*bằng chữ: ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*) và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi ông **Đỗ Dũng M** trả dứt nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông **Đỗ Dũng M** không thanh toán nợ hoặc không thanh toán đủ nợ, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là: quyền sử dụng đất và tài sản công trình gắn liền trên đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại **xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 171/21/HĐTC-9371 ngày 28/9/2021; Thỏa thuận về tài sản trên đất ngày 27/10/2021 và Giấy cam kết của ông **Đỗ Dũng M** ngày 27/10/2021, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 628355, số vào sổ CS04028 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 07/01/2020 cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 23/9/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** thì ông **Đỗ Dũng M** có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** và tại buổi hòa giải, nguyên đơn yêu cầu ông **M** có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ của hai hợp đồng tín dụng là 3.545.074.357 đồng; trong đó gồm có: dư nợ gốc là 2.854.963.977 đồng, lãi trong hạn là 583.599.638 đồng, lãi quá hạn là 64.037.446 đồng, lãi chậm trả

lãi là 42.473.296 đồng thì ông **M** đồng ý với các yêu cầu trên. Tuy nhiên, bị đơn xin thanh toán nợ trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày hòa giải.

Về án phí: bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định.

Về chi phí tố tụng khác: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 2.500.000 đồng, bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Dương Thúy N** trình bày:

Bà N1 là người đang quản lý, sử dụng đất thế chấp, thực tế bà **N1** đã mua thửa đất này từ năm 2021 với giá 3.230.000.000 đồng, bà **N1** đã thanh toán số tiền 1.530.000.000 đồng và nhận đất để quản lý, sử dụng từ năm 2021 đến nay. Khi ký hợp đồng, bà **N1** không biết thửa đất này đã thế chấp tại ngân hàng. Vụ việc tranh chấp đã được bà **N1** nộp đơn khởi kiện ở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và đang trong quá trình giải quyết. Nay bà **N1** có hướng giải quyết như sau: ông **M** tiếp tục chuyển nhượng thửa đất này cho bà **N1**, bà **N1** đồng ý thanh toán số tiền còn lại là 1.700.000.000 đồng cho ông **M** để ông **M** trả nợ cho ngân hàng, còn số tiền nợ của ngân hàng còn lại bao nhiêu thì ông **M** có trách nhiệm trả hết để làm thủ tục sang tên thửa đất cho bà **N1**. Bà Nguyệt mong muốn hòa giải để giải quyết xong vụ việc theo hướng như trên nhưng ông **M** không đồng ý, vì vậy bà **N1** không có ý kiến gì thêm. Đối với vụ việc tranh chấp liên quan đến thửa đất thế chấp của bà **N1** thì bà **N1** tiếp tục yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, bà **N1** không có tranh chấp gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (N2)** đối với bị đơn ông **Đỗ Dũng M** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông **Đỗ Dũng M** thanh toán cho đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (N2)** số tiền 3.574.434.046 đồng; trong đó gồm có: dư nợ gốc là 2.854.963.977 đồng, lãi trong hạn là 608.590.510 đồng, lãi quá hạn là 66.647.469 đồng, lãi chậm trả lãi là 44.232.089 đồng tính đến ngày 18/9/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2023), ông **Đỗ Dũng M** còn phải chịu tiền lãi của số tiền vay gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số 192/21/HĐCV-9371 ngày 28/9/2021 và Hợp đồng cho vay số 213/21/HĐCV-9371 ngày 27/10/2021 cho đến khi thanh toán xong số tiền vay gốc và lãi phát sinh.

2. Trường hợp ông **Đỗ Dũng M** không thanh toán được số tiền nêu trên thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (N2)** được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 171/21/HĐTC-9371 ngày 28/9/2021 được công chứng tại **Phòng C**, tỉnh Tây Ninh, đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện D, Tây Ninh** và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 189/21/HĐTC-9371 ngày 27/10/2021 được công chứng tại **Phòng C**, tỉnh Tây Ninh, đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh D, tỉnh Tây Ninh**; văn bản thỏa thuận ngày

27/10/2021 và Giấy cam kết ngày 27/10/2021 đối với quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền trên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 628355, số vào sổ CS04028 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/01/2020 cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 23/9/2021 cho ông Đỗ Dũng M.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì ông Đỗ Dũng M có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023, bị đơn ông Đỗ Dũng M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu được gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc và yêu cầu xem xét giảm lãi suất cho ông Đỗ Dũng M.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Dũng M là ông Lê Văn L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý gia hạn thời hạn thanh toán nợ gốc và giảm nợ lãi cho nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Dũng M là ông Lê Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thúy N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà N theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn kháng cáo ông Đỗ Dũng M chỉ kháng cáo yêu cầu được gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc và yêu cầu xem xét, giảm lãi cho ông M. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm ông M không kháng cáo. Như vậy, đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm ông M không kháng cáo, các đương sự còn lại không ai kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi nội dung kháng cáo của ông Đỗ Dũng M về yêu cầu gia hạn thời gian thanh toán số tiền nợ gốc và yêu cầu xem xét giảm số tiền lãi cho ông Đỗ Dũng M.

[3] Đối với kháng cáo của ông Đỗ Dũng M yêu cầu gia hạn cho ông M thanh toán số tiền nợ gốc là 2.854.963.977 đồng trong thời hạn 08 tháng sau khi bản án có

hiệu lực pháp luật. Xét thấy, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** không đồng ý gia hạn theo với mốc thời gian mà ông **Đỗ Dũng M** đưa ra. Do vậy, căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 192/21/HĐCV-9371 ngày 28/9/2021 và Hợp đồng cho vay số 189/21/HĐTC-9371 ngày 27/10/2021 thì ông **Đỗ Dũng M** phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ dư nợ gốc cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** nên kháng cáo của ông **Đỗ Dũng M** yêu cầu được gia hạn thời gian thanh toán số tiền nợ gốc là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu được xem xét giảm số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý giảm lãi cho bị đơn. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã giao kết nên khoản vay của bị đơn đã chuyển thành khoản nợ quá hạn và Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2, Điều 10 và Điều 11 của Hợp đồng cho vay số 192/21/HĐCV-9371 ngày 28/9/2021 và Hợp đồng cho vay số 189/21/HĐTC-9371 ngày 27/10/2021 mà hai bên đã giao kết, đồng thời phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296, khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông **Đỗ Dũng M**.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Đỗ Dũng M** phải chịu phải số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0009439 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương (do ông **Nông Tiến T1** nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết